TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2022
(V/v: Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Kha

2. Ông Đào Xuân N

- *Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:* Bà Đỗ Thị Nga – Thư ký Tòa án

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự;

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Thu H – SN: 1984
- **Bị đơn**: Ông Trần Hữu D – SN: 1983

Cùng trú tại: Khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Ông D hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Bình Phước).

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà H ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau không ai ép buộc, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ "Nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy Nên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng hay cải nhau, bản thân ông D không chăm lo cho vợ con và phải đi tù Nếu lần do vi phạm pháp luật.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà H yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông D có 01 người con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2006.

Bà H yêu cầu được nuôi con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con bà H và ông D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2022 bị đơn ông Trần Hữu D trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất và đồng ý như lời trình bày của bà H về thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn.

Trong cuộc sống vợ chồng thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy Nên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do ông ham mê cờ bạc và bản thân phải đi tù Nều lần vì vậy ông không chăm lo cho gia đình vợ con được, do đó vợ ông là bà H mới chán nãn và làm đơn ly hôn với ông. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông thì ông D cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông D và bà H có 01 người con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2006.

Ông D đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con ông và bà H sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:* Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn"* do bà Nguyễn Thị Thu H đứng đơn khởi kiện, bị đơn ông Trần Hữu D trú tại khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, vào ngày 23 tháng 3 năm 2022 bị đơn ông Trần Hữu D có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc các bên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng bà H, ông D.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào lời trình bày của bà H, ông D và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà H và ông D kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Xuân, thị xã Đ "Nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp.

[4]. *Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H với ông D*: Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà H, ông D đều thừa nhận từ khi ông bà ở với nhau thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc

trong gia đình, bản thân ông D ham mê chơi cờ bạc và phải đi tù Nều lần nên không chăm lo được cho vợ con, nay bà H cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông D còn ông D cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không được D trì nên Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[5]. *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà H và ông D có 01 người con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2006. Bà H yêu cầu được nuôi con chung, ông D cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng. Do đó, để nhằm ổn định cuộc sống của cháu N cần giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con ông D và bà H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc "*Tranh chấp ly hôn"*

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Hữu D (Bà H và ông D kết hôn ngày 05 tháng 9 năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 168/2005 của Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã Đ "nay là thành phố Đ", tỉnh Bình Phước.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2006 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con bà H và ông D tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu

Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004285 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài; Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP Đồng Xoài;
- UBND phường T,
TP. Đ, T. Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Hoàng Hữu Bình